

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1344/QĐ-ĐHKTQD ngày 26 tháng 7 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

CHƯƠNG TRÌNH/PROGRAMME:	CỬ NHÂN QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG / BACHELOR OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENTAL MANAGEMENT
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO/LEVEL OF EDUCATION:	ĐẠI HỌC/UNDERGRADUATE
NGÀNH ĐÀO TẠO/MAJOR:	QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG / NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENTAL MANAGEMENT
MÃ NGÀNH/CODE:	7850101
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO/TYPE OF EDUCATION:	CHÍNH QUY/ FULL - TIME
NGÔN NGỮ ĐÀO TẠO/LANGUAGE	TIẾNG VIỆT/ VIETNAMESE
THỜI GIAN ĐÀO TẠO/DURATION TIME	4 NĂM/ 4 YEARS

1. MỤC TIÊU

1.1. Mục tiêu chung

Ngành đào tạo cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao về quản lý tài nguyên và môi trường cho các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức. Chương trình đào tạo được thiết kế hiện đại, cung cấp cho người học kiến thức toàn diện về tài nguyên và môi trường, đồng thời trang bị kiến thức chuyên sâu và kỹ năng quản lý tài nguyên & môi trường dựa trên thế mạnh về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- *Về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:* Đạt chuẩn đầu ra theo quy định tại Thông tư 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- *Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp:* Cử nhân ngành Quản lý tài nguyên và môi trường làm việc tại các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương (các Bộ, ngành, UBND các cấp; Sở, Ban Quản lý Khu công nghiệp...); các loại hình doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, thương mại và dịch vụ; cảnh sát môi trường; kiểm toán

viên; nghiên cứu viên tại các viện nghiên cứu; giảng viên các trường đại học và cao đẳng; chuyên gia tư vấn, quản lý cho các tổ chức đầu tư, kinh doanh tài nguyên và môi trường và các tổ chức quốc tế (Ngân hàng thế giới – WB, Ngân hàng phát triển Châu Á - ADB, các tổ chức của Liên hợp quốc như UNDP, UNIDO, UNEP ...); có khả năng kinh doanh và quản lý trong những lĩnh vực kinh tế sáng tạo gắn với giải quyết các vấn đề môi trường toàn cầu; có khả năng theo học sau đại học trong nước và nước ngoài.

- **Trình độ ngoại ngữ và tin học:** Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. CHUẨN ĐẦU RA

CĐR	Mô tả	Mã CĐR
Chuẩn đầu ra về kiến thức	Sinh viên có kiến thức cơ bản về pháp luật Việt Nam, kinh tế học, quản lý kinh tế, quản trị kinh doanh. Đồng thời, sinh viên có hiểu biết về Chủ nghĩa xã hội khoa học, về Đảng Cộng sản Việt Nam, về tư tưởng Hồ Chí Minh và có khả năng lãnh hội, tuân thủ tư tưởng Hồ Chí Minh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.	CĐR 1
	Sinh viên hiểu được thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin và ứng dụng trong học tập, nghiên cứu và học tập các môn học khác và các tri thức của nhân loại vào đời sống thực tiễn trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay.	CĐR 2
	Sinh viên có khả năng thể hiện hiểu biết về môi trường kinh tế - xã hội trong nước, quốc tế; phân tích được ảnh hưởng của toàn cầu hóa tới hoạt động của các doanh nghiệp, hộ gia đình và cơ quan quản lý nhà nước, và đề xuất được các giải pháp phát triển trong môi trường quốc tế; nhận thức được ảnh hưởng của công nghệ thông tin, từ đó, vận dụng được các công cụ ứng dụng công nghệ trong quản lý tài nguyên và môi trường	CĐR 3
	Sinh viên có hiểu biết sâu về quản lý tài nguyên và môi trường và vai trò của hiệu quả kinh tế đối với công tác bảo vệ môi trường; hiểu được yêu cầu phối hợp giữa các bên liên quan để đạt được mục tiêu của doanh nghiệp/tổ chức và hộ gia đình trong quản lý tài nguyên và môi trường; có khả năng tích hợp kiến thức nền tảng để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan tới tài nguyên và môi trường trong hoạt động của doanh nghiệp/tổ chức và hộ gia đình.	CĐR 4
	Sinh viên nắm vững các nguyên tắc và quy trình xây dựng chiến lược, chính sách, kế hoạch thực hiện quản lý tài nguyên và môi trường; có khả năng vận dụng kiến	CĐR 5

CDR	Mô tả	Mã CDR
	thức kinh tế, quản lý tài nguyên và môi trường vào phân tích tình huống cụ thể, đề xuất giải pháp phù hợp bắt kịp với những tình huống ngoài dự tính thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.	
Chuẩn đầu ra về kỹ năng	Sinh viên có khả năng làm chủ kỹ thuật công nghệ cần thiết, logic và các kỹ thuật phân tích định tính và định lượng, sử dụng các mô hình toán học căn bản để phân tích, diễn giải dữ liệu về môi trường kinh tế - xã hội, hành vi của các chủ thể liên quan lĩnh vực tài nguyên và môi trường, về kết quả hoạt động của doanh nghiệp và cơ quan quản lý bằng kiến thức chuyên môn khoa học; từ đó đưa ra định hướng, giải pháp nhằm cải thiện kết quả hoạt động quản lý tài nguyên và môi trường.	CDR 6
	Sinh viên có khả năng tích hợp kiến thức và kỹ năng để phân tích hiện tượng, phát hiện vấn đề trong lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường; xác định nguyên nhân của vấn đề trong một tổ chức/doanh nghiệp cụ thể.	CDR 7
	Sinh viên có khả năng ứng dụng kiến thức được học để giải quyết vấn đề quản lý tài nguyên và môi trường trong những tình huống cụ thể, đưa ra giải pháp cho các sự việc/vấn đề ngoài dự tính; có kỹ năng lượng hóa các yếu tố tài nguyên và môi trường.	CDR 8
	Sinh viên có kỹ năng giao tiếp bằng văn bản; viết báo cáo và thuyết trình chuyên môn liên quan tới kế hoạch, chiến lược và thực thi các mảng hoạt động được giao. Sinh viên có kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng làm việc nhóm năng động và đa dạng	CDR 9
	Sinh viên có đủ sức khỏe và có những kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng theo yêu cầu của Thông tư số 31/2012/TT-BGD & ĐT ngày 12.9.2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	CDR 10
CDR Ngoại ngữ	Chuẩn đầu ra ngoại ngữ (chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS 5.5 và tương đương) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.	CDR 11
CDR Tin học	Chuẩn đầu ra tin học (chứng chỉ tin học quốc tế MOS/IC3/ICLD) theo Quyết định số 785/QĐ-ĐHKTQD ngày 21/4/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.	CDR 12
Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ,	Sinh viên có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn.	CDR 13

CDR	Mô tả	Mã CDR
tự chịu trách nhiệm	Sinh viên có hiểu biết về pháp luật, yêu cầu tuân thủ pháp luật và có khả năng vận dụng vào thực tiễn trong cuộc sống cũng như trong công việc.	CDR 14
	Sinh viên tuân thủ các quy định của đơn vị, tổ chức; thích ứng với bối cảnh toàn cầu hóa; có đạo đức, trách nhiệm với công việc.	CDR 15

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 129 tín chỉ

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP: Theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ: Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. Cấu trúc cơ bản

Bảng 1. Các khối kiến thức trong CTĐT

Kiến thức	Số TC	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương	44	
1.1. Các học phần chung	20	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ
1.2. Các học phần của Trường	12	04 học phần chung của Trường
1.3. Các học phần của ngành	12	04 học phần chung của lĩnh vực
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	85	
<i>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</i>	15	05 HP chung của nhóm ngành
<i>2.2. Kiến thức ngành</i>	42	
2.2.1. Các học phần bắt buộc	27	
2.2.2. Các học phần tự chọn	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
<i>2.3. Kiến thức chuyên sâu</i>	18	SV tự chọn 18 tín chỉ (6 học phần)
<i>2.4. Khóa luận tốt nghiệp</i>	10	
TỔNG SỐ	129	Không kể GDQP & AN và GDTC

7.2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

- Nội dung cần đạt được, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) của từng học phần trong chương trình được mô tả ở đề cương chi tiết mỗi học phần.

- Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy (dự kiến 04 năm/08 học kỳ, mỗi học kỳ 12-18 tín chỉ) được mô tả theo bảng dưới đây:

Bảng 2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

STT	Nội dung chương trình đào tạo (Quản lý tài nguyên và môi trường)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
1. Kiến thức giáo dục đại cương				44		
1.1. Các học phần chung				20		
1	1	Triết học Mác - Lê Nin Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	I	
2	2	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	II	
3	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2	II	
4	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLDL1102	2	III	
5	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	III	
6	6	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9	I-II-III	
	7	Giáo dục Thể chất Physical Education	GDTC	4		
	8	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education	GDQP	8-11		
1.2. Các học phần của Trường				12		
9	1	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI1101	3	I	
10	2	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA1101	3	II	
11	3	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	I	
12	4	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3	I	
1.3. Các học phần của ngành				12		
13	1	Quản trị kinh doanh 1 Business Management 1	QTTH1102	3	II	
14	2	Quản lý học 1 Essentials of Management 1	QLKT1101	3	III	
15	3	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	TOKT1145	3	III	

STT	Nội dung chương trình đào tạo (Quản lý tài nguyên và môi trường)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
		Probability and Mathematical Statistics				
16	4	Phương pháp nghiên cứu kinh tế - xã hội Socio-Economic Research Methods	PTCC1128	3	V	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				85		
2.1. Kiến thức cơ sở ngành				15		
17	1	Kinh tế lượng 1 Econometrics 1	TOKT1101	3	IV	
18	2	Hệ thống thông tin địa lý Geographic Information System	MTDT1106	3	V	
19	3	Quản lý nhà nước về đất đai Land administration	TNDC1142	3	IV	
20	4	Kinh tế tài nguyên Economics of Natural Resources	TNTN1145	3	III	
21	5	Quản lý tài nguyên và môi trường Natural Resources and Environmental Management	MTKT1119	3	V	
2.2. Kiến thức ngành				42		
2.2.1 Các học phần bắt buộc				27		
22	1	Vật lý môi trường Environmental Physics	MTKT1170	3	II	
23	2	Hóa học môi trường Environmental chemistry	MTKT1164	3	III	
24	3	Cơ sở khoa học môi trường Fundamentals of Environmental Science	MTKT1149	3	II	
25	4	Công nghệ môi trường Environmental Technology	MTKT1150	3	IV	
26	5	Kinh tế môi trường Environmental Economics	MTKT1133	3	IV	
27	6	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên Natural Resources Economics	MTKT1134	3	IV	KHMI1101; TNTN1106
28	7	Kinh tế học biến đổi khí hậu Economics of Climate Change	MTKH1103	3	VI	
29	8	Kinh tế đô thị Urban Economics	MTDT1115	3	VI	
30	9	Đề án môn học - Quản lý tài nguyên và môi trường Essay on Natural Resource - Environmental Management	MTKT1163	3	VI	
2.2.2 Các học phần tự chọn (SV tự chọn 05 học phần trong tổ hợp)				15		
31 32	1	Phân tích chi phí - lợi ích Cost - Benefit Analysis	MTKT1135	3	VI	KHMI1101

STT	Nội dung chương trình đào tạo (Quản lý tài nguyên và môi trường)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
33 34 35	2	Sinh thái học Ecology	MTKT1161	3	IV	MTKT1149
	3	Địa lý kinh tế Economic Geography	MTKT1102	3	VI	
	4	Kinh doanh và môi trường Business and Environment	MTKT1154	3	V	
	5	Pháp luật môi trường Environmental Law	LUKD1186	3	V	
	6	Truyền thông môi trường Environmental Communications	MTKT1162	3	VI	
	7	Du lịch sinh thái Ecotourism	DLLH1130	3	VI	
	8	Quản lý đô thị Urban Management	MTDT1120	3	IV	
	9	Quản lý tổng hợp lưu vực sông Integarated Management of River Basins	MTKT1158	3	VI	
	10	Quy hoạch môi trường Environmental Planning	MTKT1169	3	VI	
	2.3. Kiến thức chuyên sâu (SV tự chọn 6 học phần trong tổ hợp)				18	
36 37 38 39 40 41	1	Quan trắc môi trường Environmental Monitoring	MTKT1159	3	V	
	2	Đánh giá tác động môi trường Environmental Impact Assesment	MTKT1151	3	V	
	3	Lượng giá tài nguyên và môi trường Valuation of Natural Resources and Environment	MTKT1155	3	VI	MTKT1133; MTKT1134
	4	Hạch toán môi trường và vốn tự nhiên Environmental and Natural Capital Accounting	MTKT1152	3	VII	
	5	Hiệu quả năng lượng và tài nguyên Energy and Resource Efficiency	MTKT1153	3	VII	
	6	Kinh tế tuần hoàn Circular Economy	MTKT1166	3	VII	
	7	Quản lý đa dạng sinh học Biodiversity Management	MTKT1168	3	VII	
	8	Thống kê môi trường Environmental Statistics	TKKT1115	3	VI	
	9	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại Management of Solid and Hazardous Waste	MTKT1167	3	VII	
	10	Kinh tế chất thải Economics of Waste	MTKT1165	3	V	
	11	Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp	MTKT1157	3	V	

STT	Nội dung chương trình đào tạo (Quản lý tài nguyên và môi trường)	Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	Management of Urban Environment and Industrial Estates				
42	<i>Khóa luận tốt nghiệp</i> <i>Graduation Thesis</i>	MTKT1171	10	VIII	
	Tổng số tín chỉ		129		

8. Hướng dẫn thực hiện

- Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 hoặc 03 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.
- Sinh viên nhập học được đăng ký học mặc định trong học kỳ 1, các học kỳ sau sinh viên tự đăng ký học theo kế hoạch giảng dạy của trường. Các học phần được sắp xếp linh hoạt theo từng học kỳ, sinh viên có thể đăng ký học trước hoặc sau các học phần, không bắt buộc theo trình tự của kế hoạch dự kiến nếu đáp ứng các điều kiện của học phần đăng ký.
- Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.
- Nội dung cần đạt được của từng học phần được mô tả trong đề cương chi tiết học phần.
- Khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.
- Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra Tin học và Ngoại ngữ, có chứng chỉ GDQP và AN, hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Đinh Đức Trường

PGS.TS Phạm Hồng Chương